

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bành Trọng Bình
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Ông Trần Dương Công – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019. Về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Vũ Thị C**, sinh năm 1981 (Có mặt)

- *Bị đơn:* **Anh Trần Văn H**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị C trình bày:

Chị và anh Trần Văn H chung sống với nhau vào năm 2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 16/10/2002. Thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng mấy năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống, anh H cũng có nhiều lần đánh đập gây thương tích cho chị. Đến nay tinh thần của chị rất áp lực, chị không muốn tiếp tục cuộc sống như vậy. Chị nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, chỉ làm tổn thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 02 con chung là Trần Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2004 và Trần Thị Kiều T, sinh ngày 04/12/2009.

Chị và anh H thỏa thuận giao con chung là Trần Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2004 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Lan A đủ 18 tuổi. Giao con chung là Trần Thị Kiều T, sinh ngày 04/12/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Kiều T đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh và chị Vũ Thị C chung sống với nhau vào năm 2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 16/10/2002. Thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng khoảng mấy tháng trở lại đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống, anh cũng có mấy lần đánh đập gây thương tích cho chị C. Nhưng anh thấy trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng để vợ chồng phải ly hôn, anh vẫn cùng vợ gánh vác việc gia đình lo cho con cái. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn yêu thương vợ, anh muốn vợ rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị C đã có 02 con chung là Trần Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2004 và Trần Thị Kiều T, sinh ngày 04/12/2009.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị C ly hôn thì anh và chị C thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Thị Kiều T, sinh ngày 04/12/2009 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Kiều T đủ 18 tuổi. Giao con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2004 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Lan A đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Bị đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần tranh tụng tại phiên tòa.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử cho chị Vũ Thị C được ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Kiều T, sinh ngày 04/12/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Kiều T đủ 18 tuổi. Giao con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2004 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Lan A đủ 18 tuổi. Về vấn đề cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trần Văn H, nhưng tại phiên tòa anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân, con chung giữa chị với anh Trần Văn H, địa chỉ thôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị C và anh Trần Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 16/10/2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị C và anh H cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, có nhiều lần anh H đánh chị C, chị C cảm thấy

tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị C và anh H có 02 con chung là Trần Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2004 và Trần Thị Kiều T, sinh ngày 04/12/2009.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị C và anh H về việc nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Trần Thị Kiều T, sinh ngày 04/12/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Kiều T đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2004 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Lan A đủ 18 tuổi và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Chị C và anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị C đối với anh Trần Văn H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị C được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị C và anh H, giao con chung là cháu Trần Thị Kiều T, sinh ngày 04/12/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Kiều T đủ 18 tuổi. Giao con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2004 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Lan A đủ 18 tuổi.

Chị C và anh H không được quyền cản trở nhau đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị C phải chịu 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị C đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp theo biên lai thu số 0012595 ngày 09 tháng 5 năm 2019.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài